

Số: **133** /2007/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **15** tháng **11** năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định về quản lý hoạt động thăm dò, khai thác cát
trên các sông thuộc địa bàn thành phố Hà Nội. -**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản năm 1996 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản năm 2005;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2005;

Căn cứ Luật Đề điều năm 2006;

Căn cứ Luật Đầu tư năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 150/2004/NĐ-CP ngày 29/7/2004 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 9/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Chỉ thị số 16/2002/CT-TTg ngày 31/7/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động khảo sát, thăm dò, khai thác cát, sỏi và nạo vét kết hợp tận thu cát, sỏi lòng sông;

Căn cứ Thông tư số 01/2006/TT-BTNMT ngày 23/1/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định 1052/QĐ-UBND ngày 20/3/2007 của UBND Thành phố về việc phê duyệt Đề án phân cấp quản lý kinh tế-xã hội giai đoạn 2007-2010 của ngành Tài nguyên Môi trường và Nhà đất;

Căn cứ văn bản số 1715/ĐCKS-KS ngày 20/9/2007 của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam về việc hướng dẫn cấp giấy chứng nhận đầu tư dự án hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất tại tờ trình số 4908/TTr-TNMTNĐ-TNĐT ngày 11/10/2007 về việc ban hành Quy định về quản lý hoạt động thăm dò, khai thác cát trên các sông thuộc địa bàn thành phố Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý hoạt động thăm dò, khai thác cát trên các sông thuộc địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 159/2003/QĐ-UB ngày 21/11/2003 của UBND Thành phố ban hành Quy định tạm thời về quản lý khai thác cát, sỏi; sử dụng bến bãi, đường vận chuyển tạm thời để chứa và trung chuyển cát, sỏi trên các sông thuộc địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc Thành phố; UBND các quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Thành ủy,
- TT HĐND Thành phố,
- Chủ tịch UBND TP
(để báo cáo);
- Các Bộ: Tài nguyên & Môi trường,
Nông nghiệp và PTNT, Giao thông
Vận tải;
- Ủy ban MTTQ Thành phố;
- Liên đoàn Lao động Thành phố;
- Các đ/c PCT UBND Thành phố;
- Báo: HNM, KT&ĐT, Đài PTTT
Hà Nội;
- VPUB: V2, V5, NG, TH;
- Lưu.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vũ Hồng Khanh

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2007

QUY ĐỊNH

**Về quản lý hoạt động thăm dò, khai thác cát trên các sông
thuộc địa bàn thành phố Hà Nội**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 133 /2007/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm
2007 của UBND Thành phố Hà Nội)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh:

Văn bản này quy định điều kiện, trình tự thủ tục cấp giấy phép thăm dò, khai thác cát; sử dụng đất để làm bến bãi, đường vận chuyển tạm thời để chứa và trung chuyển cát; trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước, chính quyền các cấp và các đơn vị trong việc quản lý hoạt động thăm dò, khai thác cát trên các sông thuộc địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2: Đối tượng áp dụng:

1. Cơ quan quản lý nhà nước về thăm dò, khai thác cát;
2. Tổ chức, cá nhân hoạt động thăm dò, khai thác cát;
3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, bảo vệ tài nguyên cát.

Điều 3. Yêu cầu đối với các vị trí thăm dò, khai thác cát:

Các vị trí thăm dò, khai thác cát phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

1. Thực hiện theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
2. Đảm bảo an toàn đề điều, các công trình giao thông và đảm bảo môi trường xung quanh;
3. Nằm ngoài phạm vi vùng cấm các hoạt động khai thác cát, cụ thể:
 - a. Khu vực có di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng hoặc được khoanh vùng bảo vệ;
 - b. Đã có quy hoạch đất đai dành riêng cho mục đích quốc phòng, an ninh hoặc ảnh hưởng xấu đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh;
 - c. Thuộc hành lang hoặc phạm vi bảo vệ an toàn các công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông, công trình thủy lợi, đề điều, thông tin;
 - d. Khu vực dành riêng cho tôn giáo.

Chương II

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG THĂM DÒ, KHAI THÁC CÁT, ĐIỀU KIỆN HÀNH NGHỀ THĂM DÒ CÁT

Điều 4. Tổ chức, cá nhân hoạt động thăm dò, khai thác cát

- a. Doanh nghiệp trong nước, kể cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thuộc mọi thành phần kinh tế có đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư hoạt động khoáng sản được thăm dò, khai thác cát;
- b. Doanh nghiệp nước ngoài có văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam được thăm dò cát;
- c. Cá nhân có đăng ký kinh doanh hoạt động khoáng sản được thăm dò, khai thác cát.

Điều 5. Điều kiện hành nghề thăm dò cát

Tổ chức chuyên ngành về địa chất do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập, cho phép thành lập hoặc các tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật về đầu tư được hành nghề thăm dò cát khi có đủ các điều kiện sau đây:

1. Có người phụ trách kỹ thuật là kỹ sư địa chất đã công tác thực tế trong công tác thăm dò khoáng sản ít nhất là năm (05) năm; có hiểu biết và nắm vững các văn bản quy phạm pháp luật về thăm dò khoáng sản;
2. Có cán bộ, công nhân kỹ thuật thuộc các chuyên ngành địa chất thăm dò, địa chất thủy văn - địa chất công trình, địa vật lý, khoan, khai đào và chuyên ngành khác có liên quan;
3. Có thiết bị, công cụ chuyên dùng cần thiết để thi công các công trình thăm dò khoáng sản.

Chương III

THĂM QUYỀN, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỒ SƠ CẤP PHÉP THĂM DÒ, KHAI THÁC CÁT; THUÊ ĐẤT ĐỂ LÀM BẾN BÃI, ĐƯỜNG VẬN CHUYỂN TẠM THỜI

Điều 6. Hồ sơ cấp phép thăm dò, cấp lại, gia hạn, trả lại, chuyển nhượng giấy phép thăm dò, tiếp tục thực hiện quyền thăm dò, phê duyệt trữ lượng cát

1. Hồ sơ cấp phép thăm dò:

- a. Đơn xin cấp giấy phép thăm dò cát;
- b. Đề án thăm dò cát lập theo quy định, kèm theo bản đồ khu vực thăm dò cát;
- c. Văn bản xác nhận về tư cách pháp nhân đối với tổ chức xin cấp giấy phép thăm dò cát là tổ chức trong nước (Bản sao có chứng thực theo quy định của pháp luật) hoặc giấy phép đầu tư đối với tổ chức xin cấp giấy phép thăm dò là tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức liên doanh có bên nước ngoài (Bản sao có chứng thực theo quy định của pháp luật)

2. Hồ sơ gia hạn giấy phép thăm dò:

Hồ sơ xin gia hạn phải nộp cho cơ quan tiếp nhận trước ngày giấy phép hết hạn ba mươi (30) ngày, bao gồm:

- a. Đơn xin gia hạn giấy phép thăm dò cát;
- b. Báo cáo kết quả thăm dò, khối lượng công tác thăm dò đã thực hiện; chương trình, khối lượng thăm dò tiếp tục;
- c. Bản đồ khu vực thăm dò, trong đó đã loại trừ ít nhất ba mươi phần trăm (30%) diện tích theo giấy phép được cấp trước đó.

3. Hồ sơ cấp lại giấy phép thăm dò:

Hồ sơ phải nộp cho cơ quan tiếp nhận trước ngày giấy phép hết hạn ba mươi (30) ngày, bao gồm:

- a. Đơn xin cấp lại giấy phép thăm dò;
- b. Báo cáo kết quả thăm dò, khối lượng công tác thăm dò đã thực hiện; chương trình, khối lượng thăm dò tiếp tục;
- c. Bản đồ khu vực xin cấp lại giấy phép thăm dò.

4. Hồ sơ trả lại giấy phép thăm dò:

- a. Đơn xin trả lại giấy phép thăm dò hoặc trả lại một phần diện tích thăm dò;
- b. Báo cáo kết quả thăm dò, khối lượng công trình thăm dò đã thực hiện đến thời điểm trả lại giấy phép hoặc trả lại một phần diện tích ghi trong giấy phép;
- c. Bản đồ khu vực tiếp tục thăm dò; khối lượng công trình, chương trình thăm dò tiếp tục đối với trường hợp trả lại một phần diện tích thăm dò.

5. Hồ sơ chuyển nhượng giấy phép thăm dò:

- a. Đơn xin chuyển nhượng quyền thăm dò kèm theo hợp đồng chuyển nhượng quyền thăm dò và bản kê giá trị tài sản sẽ chuyển nhượng;
- b. Báo cáo kết quả thăm dò, khối lượng công trình đã thực hiện và các nghĩa vụ có liên quan theo quy định đã hoàn thành đến thời điểm xin chuyển nhượng quyền thăm dò;
- c. Văn bản xác nhận về tư cách pháp nhân đối với tổ chức xin nhận chuyển nhượng quyền thăm dò là tổ chức trong nước (Bản sao có chứng thực theo quy định của pháp luật) hoặc giấy phép đầu tư (nếu có) đối với tổ chức xin nhận chuyển nhượng quyền thăm dò là tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức liên doanh có bên nước ngoài (Bản sao có chứng thực theo quy định của pháp luật).

6. Hồ sơ tiếp tục thực hiện quyền thăm dò:

- a. Đơn xin tiếp tục thực hiện quyền thăm dò cát; báo cáo kết quả thăm dò, khối lượng công trình đã thực hiện và chương trình tiếp tục thăm dò;
- b. Văn bản pháp lý chứng minh tổ chức, cá nhân được thừa kế quyền thăm dò cát (Bản sao có chứng thực theo quy định của pháp luật);
- c. Văn bản xác nhận về tư cách pháp nhân của tổ chức được thừa kế (Bản sao có chứng thực theo quy định của pháp luật).

7. Hồ sơ phê duyệt trữ lượng:

- a. Công văn trình Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất thẩm định, xét và phê duyệt trữ lượng cát;
- b. Đề án thăm dò theo quy định và Bản sao giấy phép thăm dò cát có chứng thực theo quy định của pháp luật;
- c. Biên bản nghiệm thu khối lượng và chất lượng công trình thăm dò đã thi công của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò cát;

d. Bốn bộ tài liệu, trong đó có ba bộ bản in và một bộ ghi trên đĩa CD bao gồm: bản thuyết minh báo cáo thăm dò, các phụ lục, các bản vẽ và tài liệu nguyên thủy có liên quan.

Điều 7. Hồ sơ cấp phép khai thác, gia hạn, trả lại, chuyển nhượng giấy phép khai thác cát, tiếp tục thực hiện quyền khai thác:

1. Hồ sơ cấp phép khai thác cát:

- a. Đơn xin cấp giấy phép khai thác, kèm theo bản đồ khu vực khai thác cát;
- b. Quyết định phê duyệt trữ lượng cát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định (Bản sao có chứng thực theo quy định của pháp luật);
- c. Báo cáo nghiên cứu khả thi khai thác cát kèm theo quyết định phê duyệt theo quy định;
- d. Báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với trường hợp công suất khai thác thiết kế từ 50.000 m³/năm trở lên; cam kết bảo vệ môi trường đối với trường hợp công suất khai thác thiết kế dưới 50.000 m³/năm được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- e. Giấy chứng nhận đầu tư dự án khai thác cát do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (Bản sao có chứng thực theo quy định của pháp luật).

Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ, UBND Quận, Huyện có văn bản đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Giao thông Vận tải cho ý kiến về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý đối với dự án khai thác cát trước khi cấp phép.

2. Hồ sơ cấp gia hạn giấy phép khai thác cát:

Hồ sơ đề nghị gia hạn phải nộp cho cơ quan tiếp nhận trước ngày giấy phép hết hạn chín mươi (90) ngày, bao gồm:

- a. Đơn xin gia hạn giấy phép khai thác cát;
- b. Bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm xin gia hạn kèm theo Báo cáo kết quả hoạt động khai thác đến thời điểm xin gia hạn; trữ lượng khoáng sản còn lại và diện tích xin tiếp tục khai thác.

3. Hồ sơ xin trả lại giấy phép khai thác hoặc trả lại một phần diện tích khai thác:

- a. Đơn xin trả lại giấy phép khai thác hoặc trả lại một phần diện tích khai thác;
- b. Bản đồ hiện trạng kèm theo báo cáo kết quả khai thác khoáng sản đến thời điểm trả lại giấy phép hoặc trả lại một phần diện tích khai thác;
- c. Đề án đóng cửa mỏ đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật đối với trường hợp trả lại giấy phép khai thác.

4. Hồ sơ chuyển nhượng quyền khai thác:

- a. Đơn xin chuyển nhượng quyền khai thác và hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác cát, kèm theo bản kê giá trị tài sản chuyển nhượng;
- b. Báo cáo kết quả khai thác và các nghĩa vụ đã thực hiện đến thời điểm xin chuyển nhượng quyền khai thác kèm theo bản đồ hiện trạng khai thác tại thời điểm xin chuyển nhượng;

c. Văn bản xác nhận về tư cách pháp nhân đối với tổ chức xin nhận chuyển nhượng quyền khai thác cát là tổ chức trong nước (Bản sao có chứng thực theo quy định của pháp luật) hoặc giấy phép đầu tư đối với tổ chức xin nhận chuyển nhượng quyền khai thác cát là tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức liên doanh có bên nước ngoài (Bản sao có chứng thực theo quy định của pháp luật).

5. Hồ sơ xin tiếp tục thực hiện quyền khai thác:

- a. Đơn xin tiếp tục thực hiện quyền khai thác;
- b. Văn bản pháp lý chứng minh tổ chức, cá nhân được thừa kế quyền khai thác cát (Bản sao có chứng thực theo quy định của pháp luật);
- c. Văn bản xác nhận về tư cách pháp nhân của tổ chức được thừa kế (Bản sao có chứng thực theo quy định của pháp luật);
- d. Bản đồ hiện trạng khai thác kèm theo báo cáo kết quả khai thác đến thời điểm xin được tiếp tục thực hiện quyền khai thác.

Điều 8. Trình tự thủ tục cấp giấy phép:

1. Hồ sơ xin thăm dò, cấp lại, gia hạn, trả lại, chuyển nhượng giấy phép thăm dò, tiếp tục thăm dò, phê duyệt trữ lượng cát gửi đến Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất để giải quyết.

Thời gian giải quyết: 50 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với cấp thăm dò và 25 ngày đối với các trường hợp cấp lại, gia hạn, trả lại, chuyển nhượng giấy phép thăm dò, tiếp tục thăm dò, phê duyệt trữ lượng cát.

2. Hồ sơ xin cấp phép, gia hạn, trả lại, chuyển nhượng giấy phép khai thác cát, tiếp tục thực hiện quyền khai thác gửi đến UBND Quận, Huyện để giải quyết.

Thời gian giải quyết: 30 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với cấp phép khai thác (thời gian trên không bao gồm thời gian lấy ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Giao thông Vận tải); 25 ngày đối với các trường hợp cấp gia hạn, trả lại, chuyển nhượng giấy phép khai thác cát, tiếp tục thực hiện quyền khai thác.

Điều 9. Thuê đất để làm bến bãi, đường vận chuyển tạm thời:

Thuê đất để làm bến bãi, đường vận chuyển tạm thời để chứa và trung chuyển cát trên các bãi sông thực hiện theo Quyết định 68/2006/QĐ-UBND ngày 15/5/2006 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy định về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

Điều 10. Thẩm quyền cấp giấy phép:

1. UBND Thành phố cấp thuê đất để làm bến bãi, đường vận chuyển tạm thời để chứa và trung chuyển cát trên các bãi sông;

2. UBND Thành phố phân cấp:

a. Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất cấp giấy phép thăm dò, cấp lại, gia hạn, trả lại, chuyển nhượng giấy phép thăm dò, tiếp tục thực hiện quyền thăm dò, phê duyệt trữ lượng cát;

b. UBND các Quận, Huyện cấp phép khai thác, gia hạn, trả lại, chuyển nhượng giấy phép khai thác cát, tiếp tục thực hiện quyền khai thác.

Chương IV

THANH TRA, KIỂM TRA, XỬ LÝ CÁC VI PHẠM

Điều 11. Thanh tra, kiểm tra hoạt động khai thác cát:

1. Thanh tra chuyên ngành Tài nguyên, Môi trường và Nhà đất thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại các Điều 58, 59, 60 Luật Khoáng sản và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo Điều 15, Nghị định 150/2004/NĐ-CP ngày 29/7/2004 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản;

2. Thanh tra Thành phố theo dõi, tổng hợp, tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra định kỳ theo thẩm quyền và chỉ đạo của UBND Thành phố;

3. Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông Công chính và Công an Thành phố kiểm tra, xử lý các vi phạm thuộc lĩnh vực quản lý trong hoạt động khai thác cát;

4. UBND các quận, huyện tổ chức thanh tra, kiểm tra các hoạt động khai thác cát thuộc địa bàn quản lý, kịp thời xử lý theo thẩm quyền và báo cáo UBND Thành phố. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khai thác cát của UBND Quận, Huyện được thực hiện theo Khoản 2, Điều 14, Nghị định 150/2004/NĐ-CP ngày 29/7/2004 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản;

5. UBND các Xã, Phường, Thị trấn thường xuyên kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền các vi phạm trong hoạt động khai thác cát, báo cáo UBND Quận, Huyện. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khai thác cát của UBND Xã, Phường được thực hiện theo Khoản 1, Điều 14, Nghị định 150/2004/NĐ-CP ngày 29/7/2004 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản.

Điều 12. Xử lý vi phạm

1. Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện đúng các nội dung của Quy định này; Trường hợp không thực hiện trách nhiệm được giao hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn cố ý làm trái, gây thiệt hại cho Nhà nước và các tổ chức, cá nhân; vi phạm các quy định này thì tùy theo mức độ sẽ bị xử lý hành chính, thu hồi giấy phép thăm dò, khai thác cát hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật;

2. Các khiếu nại, tố cáo có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện được giải quyết theo quy định của Luật Khiếu nại tố cáo và theo các quy định khác của pháp luật.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC NGÀNH, CÁC CẤP VÀ CHỦ ĐẦU TƯ

Điều 13. Các chủ đầu tư được phép thăm dò, khai thác cát có trách nhiệm.

1. Thăm dò, khai thác cát theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

2. Thực hiện nộp thuế tài nguyên, các nghĩa vụ tài chính khác và ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định;

3. Kết hợp yêu cầu của hoạt động khai thác cát với việc xây dựng cơ sở hạ tầng, bảo vệ, phục hồi môi trường, môi sinh và đất đai tại địa phương; ưu tiên tiếp

nhận lao động tại địa phương vào hoạt động khai thác cát và các dịch vụ có liên quan;

4. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên và đảm bảo an toàn đề điều, hành lang thoát lũ, an toàn các công trình giao thông và an toàn giao thông trong quá trình khai thác cát;

5. Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác cát gây ra theo quy định của pháp luật;

6. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật;

7. Định kỳ 6 tháng báo cáo UBND Quận, Huyện và Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất tình hình hoạt động khai thác cát của đơn vị mình;

8. Thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất có trách nhiệm:

1. Phối hợp xin chỉ đạo của các Bộ, Ngành Trung ương và phối hợp với các Ngành Thành phố lập quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát báo cáo UBND Thành phố xem xét, trình HĐND Thành phố thông qua;

2. Là đầu mối giúp UBND Thành phố thống nhất quản lý việc thăm dò, khai thác cát trên các sông thuộc địa bàn Thành phố;

3. Thụ lý hồ sơ, cấp giấy phép thăm dò, cấp lại, gia hạn, trả lại, chuyển nhượng giấy phép thăm dò, tiếp tục thực hiện quyền thăm dò, phê duyệt trữ lượng cát theo phân cấp quy định tại Điều 10 Quy định này;

4. Xây dựng các văn bản pháp quy về quản lý thăm dò, khai thác cát trình UBND Thành phố ban hành; xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện các Văn bản pháp quy về thăm dò, khai thác cát;

5. Tổ chức tập huấn, phổ biến các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động thăm dò, khai thác cát;

6. Phối hợp với các ngành Thành phố và UBND các quận, huyện, phường, xã thực hiện việc thanh tra, kiểm tra các hoạt động về thăm dò, khai thác cát trên các sông thuộc địa bàn Thành phố.

Điều 15. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn các chủ đầu tư thăm dò, khai thác cát thực hiện các quy định của pháp luật về đề điều; Kiểm tra, xử lý những trường hợp khai thác cát vi phạm pháp luật về đề điều, ảnh hưởng đến an toàn đề điều, thoát lũ;

2. Quản lý hoạt động bến bãi trung chuyển vật liệu xây dựng ven sông theo quy định của Luật Đề điều.

Điều 16. Công an Thành phố và Sở Giao thông Công chính có trách nhiệm:

Chỉ đạo lực lượng chuyên trách xử lý nghiêm các tàu thuyền hút cát trái phép trên sông và các phương tiện vận chuyển cát vi phạm quy định. Phối hợp với Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất, UBND các quận, huyện kiểm tra hoạt động khai thác cát.

Điều 17. Sở Tài chính có trách nhiệm:

Phối hợp với Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất, UBND các quận, huyện kiểm tra kiểm tra việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong hoạt động khai thác cát.

Điều 18. UBND các quận, huyện có trách nhiệm:

1. UBND các quận huyện là đầu mối quản lý hoạt động khai thác cát trên địa bàn;
2. Thụ lý hồ sơ, cấp phép khai thác, gia hạn, trả lại, chuyển nhượng, tiếp tục thực hiện quyền khai thác cát theo phân cấp quy định tại Điều 10 Quy định này;
3. Giải quyết theo thẩm quyền các thủ tục giao đất, cho thuê đất, sử dụng cơ sở hạ tầng và các vấn đề liên quan khác cho tổ chức, cá nhân được phép thăm dò, khai thác cát tại địa phương theo quy định của pháp luật;
4. Kiểm tra, giám sát các chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án thăm dò, khai thác cát thuộc địa bàn quản lý;
5. Thực hiện các biện pháp bảo vệ khoáng sản cát chưa được khai thác, kết hợp với việc bảo vệ môi trường, đảm bảo an ninh, trật tự xã hội; tuyên truyền, giáo dục, giám sát việc thi hành quy định về thăm dò, khai thác cát; giải quyết tranh chấp, khiếu nại về khai thác cát;
6. Hàng năm lập kế hoạch và tiến hành kiểm tra, xử lý nghiêm vi phạm trong hoạt động thăm dò, khai thác cát;
7. Định kỳ hàng năm báo cáo UBND Thành phố, Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất công tác quản lý và tình hình hoạt động khai thác cát trên địa bàn.

Điều 19. UBND các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm:

1. Tổ chức tuyên truyền, giáo dục và giám sát việc thi hành pháp luật về khoáng sản cát tại địa bàn;
2. Quản lý, bảo vệ tài nguyên cát trên địa bàn, môi trường, an toàn lao động trong hoạt động thăm dò, khai thác cát; bảo đảm an ninh, trật tự; kiểm tra, phát hiện các hành vi vi phạm và kịp thời xử lý theo thẩm quyền;
3. UBND các Phường, Xã chịu trách nhiệm giải toả các đơn vị hoạt động khai thác cát không phép trên địa bàn;
4. Giải quyết theo thẩm quyền các thủ tục giao đất, cho thuê đất, sử dụng cơ sở hạ tầng và các vấn đề liên quan khác cho tổ chức, cá nhân được phép thăm dò, khai thác cát tại địa phương theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung quy định:

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cấp, các ngành và các đơn vị có liên quan gửi văn bản đề nghị về Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất để tổng hợp, đề xuất ý kiến, báo cáo UBND Thành phố kịp thời xem xét, sửa đổi bổ sung cho phù hợp. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Hồng Khanh